

Số 245/TB-TGPL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 11 năm 2024

THÔNG BÁO

V/v lựa chọn, ký hợp đồng với luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý năm 2024

Căn cứ Luật Trợ giúp pháp lý số 11/2017/QH14 ngày 20/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý; Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý.

Căn cứ Quyết định số 1170/QĐ-BTP ngày 15/7/2021 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 2104/QĐ-UBND ngày 21/6/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Trợ giúp pháp lý thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp;

Căn cứ Kế hoạch số 10/KH-TGPL ngày 27/3/2024 của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh về việc lựa chọn, ký Hợp đồng với luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-TGPL ngày 05/4/2024 về việc thành lập Tổ đánh giá hồ sơ lựa chọn luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý năm 2024.

Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh thông báo việc lựa chọn, ký hợp đồng với luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý năm 2024 như sau:

1. Số lượng luật sư dự kiến lựa chọn: 200 luật sư.

2. Điều kiện ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý:

Luật sư tham gia đánh giá, lựa chọn ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý phải đáp ứng đủ điều kiện sau đây:

- Không đang trong thời gian thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động hành nghề luật sư;

- Không bị cấm hành nghề hoặc bị hạn chế hoạt động nghề nghiệp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

- Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Được sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức hành nghề luật sư nơi luật sư đang làm việc hoặc cơ quan, tổ chức mà luật sư ký kết hợp đồng lao động.

- Trường hợp luật sư đã thực hiện hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật Trợ giúp pháp lý 2017 thì không được lựa chọn, ký kết hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý trong thời gian ít nhất là 02 năm kể từ ngày có kết luận vi phạm. Cụ thể:

+ Xâm phạm danh dự, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý; phân biệt đối xử người được trợ giúp pháp lý.

+ Nhận, đòi hỏi bất kỳ một khoản tiền, lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác từ người được trợ giúp pháp lý; sách nhiễu người được trợ giúp pháp lý.

+ Tiết lộ thông tin về vụ việc trợ giúp pháp lý, về người được trợ giúp pháp lý, trừ trường hợp người được trợ giúp pháp lý đồng ý bằng văn bản hoặc luật có quy định khác.

+ Từ chối hoặc không tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý, trừ trường hợp quy định tại Luật này và quy định của pháp luật về tố tụng.

+ Lợi dụng hoạt động trợ giúp pháp lý để trục lợi, xâm phạm quốc phòng, an ninh quốc gia, gây mất trật tự, an toàn xã hội, ảnh hưởng xấu đến đạo đức xã hội.

+ Xúi giục, kích động người được trợ giúp pháp lý cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật, khiêu nạt, tố cáo, khởi kiện trái pháp luật.

3. Cách thức, tiêu chí, thang bảng điểm đánh giá hồ sơ:

Cách thức, tiêu chí, thang bảng điểm đánh giá hồ sơ lựa chọn luật sư được thực hiện theo Quyết định số 10/QĐ-TGPL ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành cách thức, tiêu chí, thang bảng điểm đánh giá hồ sơ lựa chọn luật sư năm 2024 (Đính kèm).

4. Yêu cầu về hồ sơ:

a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ gồm:

b) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị tham gia lựa chọn ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý (theo mẫu đính kèm), trong đó có nêu rõ việc đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Luật trợ giúp pháp lý và giới thiệu về quá trình hành nghề của luật sư, vụ việc tham gia tố tụng, kinh nghiệm tham gia trợ giúp pháp lý (nếu có);

- Bản sao thẻ luật sư.

5. Thời gian, địa điểm nhận hồ sơ:

a) Thời gian nhận hồ sơ:

Từ ngày **10/4/2024 đến hết ngày 07/5/2024** (sáng từ 07 giờ 30 đến 11 giờ 30; chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00; trừ Thứ 7, Chủ nhật).

b) Địa điểm nhận hồ sơ: Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: 470 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; ĐT: 028.38346080; E-mail: phaply.stp@tphcm.gov.vn.

c) Cách thức nộp hồ sơ:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh;

- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính (Địa chỉ: 470 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh);

- Gửi qua thư điện tử (địa chỉ e-mail: phaply.stp@tphcm.gov.vn). Trường hợp luật sư nộp hồ sơ qua thư điện tử thì khi đến ký hợp đồng với Trung tâm, luật sư phải nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định tại mục 4 của Thông báo này.

6. Dự thảo hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý: (theo mẫu đính kèm)

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, vui lòng liên hệ Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: 470 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; ĐT: 028.38346080 (Phòng Hành chính - Tổng hợp gặp chuyên viên Trần Thị Thảo).

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp (để b/c);
- Ông Nguyễn Văn Vũ - PGĐ STP(để b/c);
- Tổ đánh giá hồ sơ lựa chọn luật sư (để t/h);
- Lưu: VT, HCTH (Thảo).



Huỳnh Tấn Đạt



• • • • •
• • • • •
• • • • •

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ THAM GIA
THỰC HIỆN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**

Kính gửi: Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước Tp Hồ Chí Minh

Tôi là luật sư: Sinh năm:

CCCD số: cấp ngày:..... tại.....

Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Địa chỉ cư trú:

Thuộc Đoàn luật sư:.....

Số thẻ luật sư: Cấp ngày:

Nơi làm việc:.....

Điện thoại:..... Di động:

Email:.....

Tài khoản ngân hàng:.....

Trình độ chuyên môn:.....

Kinh nghiệm hành nghề:

+ Hành nghề luật sư: năm; Tham gia tổ tụng: vụ việc.

+ Tham gia trợ giúp pháp lý: năm; Tham gia tổ tụng: vụ việc.

+ Hình thức đăng ký: Tư vấn Tham gia tổ tụng ĐDNTT

+ Lĩnh vực pháp luật đăng ký:

Sau khi nghiên cứu Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, các văn bản hướng dẫn thi hành và Thông báo lựa chọn luật sư của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh, tôi tự nhận thấy mình đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Luật trợ giúp pháp lý năm 2017 và có nguyện vọng tham gia lựa chọn, ký Hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước.

Tôi cam đoan tuân thủ quy định pháp luật về trợ giúp pháp lý, Hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý và thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý có chất lượng.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20

**XÁC NHẬN ĐỒNG Ý CỦA TỔ CHỨC
HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ**

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Số: /HĐ-TGPL

HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Trợ giúp pháp lý ngày 20/6/2017, Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý; Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý và Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý; Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-TGPL ngày tháng năm 2024 của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh về việc công nhận kết quả đánh giá, lựa chọn Luật sư ký Hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý năm 2024;

Hôm nay, ngày tháng năm 2024, tại trụ sở Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm có:

Bên A: Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 470 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 10, TP.HCM.

Điện thoại: (028) 38346080. Fax: (028) 38346080.

Email: phaply.stp@tphcm.gov.vn

Đại diện: Ông Huỳnh Tấn Đạt

Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước.

Điện thoại: 0903 85 84 81

Bên B: Ông (bà):

CMND/CCCD số:cấp ngày.....tại.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú:

Nơi làm việc:

Địa chỉ nơi làm việc:

Địa chỉ gửi thư (qua bưu điện):.....

Điện thoại cố định:ĐTDD:.....

E-mail:

Số Tài khoản (để thanh toán thù lao) :.....

Tại Ngân hàng:.....

Hai bên đồng ý ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với các thoả thuận sau đây:

Điều 1. Đối tượng, phạm vi, hình thức và lĩnh vực trợ giúp pháp lý

1. Đối tượng trợ giúp pháp lý: Theo Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý bao gồm:

- 1.1. Người có công với cách mạng;
- 1.2. Người thuộc hộ nghèo;
- 1.3. Trẻ em;
- 1.4. Người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;
- 1.5. Người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi;
- 1.6. Người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo;
- 1.7. Người thuộc một trong các trường hợp sau đây có khó khăn về tài chính:
 - a) Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ;
 - b) Người nhiễm chất độc da cam;
 - c) Người cao tuổi;
 - d) Người khuyết tật;
 - đ) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là bị hại trong vụ án hình sự;
 - e) Nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình;
 - g) Nạn nhân của hành vi mua bán người theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người;
 - h) Người nhiễm HIV.

2. Phạm vi trợ giúp pháp lý: Theo Điều 26 Luật Trợ giúp pháp lý.

3. Hình thức trợ giúp pháp lý đăng ký:

- a) Tham gia tổ tụng
- b) Tư vấn pháp luật
- c) Đại diện ngoài tổ tụng

4. Lĩnh vực trợ giúp pháp lý:

Trợ giúp pháp lý trong các lĩnh vực pháp luật:

.....

.....

....., trừ lĩnh vực kinh doanh thương mại.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của Trung tâm

a) Phân công vụ việc trợ giúp pháp lý phù hợp với năng lực của Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý theo đối tượng, phạm vi, hình thức, lĩnh vực quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này;

b) Tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ về nghiệp vụ có liên quan đến việc thực hiện trợ giúp pháp lý cho Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý phù hợp với khả năng và điều kiện của Trung tâm;

c) Kiểm tra, theo dõi, đánh giá, thẩm định chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý do Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thực hiện theo quy định của pháp luật;

d) Bồi dưỡng nghiệp vụ và kỹ năng trợ giúp pháp lý cho Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý; hỗ trợ, tạo điều kiện cho Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý được tham gia các hoạt động trợ giúp pháp lý do Trung tâm phân công;

đ) Nghiệm thu, thanh toán thù lao và chi phí hành chính cho Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật;

e) Thực hiện việc biểu dương, khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc khen thưởng khi Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý có thành tích hoặc có đóng góp tích cực cho công tác trợ giúp pháp lý;

g) Cung cấp tài khoản đăng nhập hệ thống trợ giúp pháp lý và thực hiện việc hướng dẫn việc cập nhật vụ việc trợ giúp pháp lý khi hoàn thành.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý

a) Thực hiện trợ giúp pháp lý theo đối tượng, phạm vi, hình thức, lĩnh vực trợ giúp pháp lý được quy định tại điều 1 của hợp đồng này;

b) Từ chối hoặc không được tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý trong các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 25 của Luật Trợ giúp pháp lý và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

c) Không tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 37 của Luật Trợ giúp pháp lý và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

d) Được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ về trợ giúp pháp lý;

đ) Được hưởng thù lao và chi phí hành chính khi thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý theo quy định;

e) Tuân thủ nguyên tắc hoạt động trợ giúp pháp lý; Bảo đảm chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý; Nghiêm chỉnh chấp hành nội quy nơi thực hiện trợ giúp pháp lý;

g) Chấp hành theo sự phân công của Trung tâm khi được giao vụ việc thực hiện trợ giúp pháp lý (trừ trường hợp có lý do chính đáng);

h) Báo cáo về việc thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý theo định kỳ hoặc theo yêu cầu đột xuất của Giám đốc Trung tâm, bàn giao đầy đủ hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý cho Trung tâm theo quy định của pháp luật;

i) Quản lý, sử dụng, bảo mật tài khoản đăng nhập hệ thống trợ giúp pháp lý được cấp và đảm bảo cập nhật đầy đủ thông tin vụ việc trợ giúp pháp lý đã tham gia lên hệ thống quản lý tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý;

k) Bồi thường hoặc hoàn trả một khoản tiền cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý đã trả cho người bị thiệt hại (nếu có) do lỗi của mình gây ra khi thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Thời hạn của hợp đồng

1. Thời hạn của hợp đồng là 03 năm kể từ ngày tháng năm 2024.

2. Hết thời hạn thực hiện hợp đồng, Trung tâm căn cứ vào nhu cầu trợ giúp pháp lý tại địa phương, chất lượng thực hiện trợ giúp pháp lý của Luật sư có thể ký gia hạn hợp đồng mà không phải qua thủ tục lựa chọn nhưng không quá 03 năm và phải được lập thành văn bản.

Điều 5. Thù lao, chi phí thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý

Thực hiện theo quy định của pháp luật về Trợ giúp pháp lý và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng

1. Sửa đổi, bổ sung hợp đồng:

Khi có những vấn đề mới phát sinh cần phải sửa đổi, bổ sung hợp đồng mà không cần thiết phải ký kết hợp đồng mới, hai bên có quyền thỏa thuận để sửa đổi, bổ sung hợp đồng. Phần sửa đổi, bổ sung là một phần không tách rời của hợp đồng này.

2. Hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

a) Các bên thỏa thuận chấm dứt trước thời hạn;

b) Hết thời hạn thực hiện hợp đồng;

c) Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý bị thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư;

d) Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý có các hành vi vi phạm những điều cấm được quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật Trợ giúp pháp lý;

đ) Vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ đã được quy định trong hợp đồng gây thiệt hại cho người được trợ giúp pháp lý;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Khi chấm dứt hợp đồng theo quy định tại khoản 2 Điều này, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý chuyển hồ sơ vụ việc đang thực hiện cho Trung tâm. Trung tâm phân công người thực hiện trợ giúp pháp lý để tiếp tục thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý.

4. Sau khi chấm dứt hợp đồng, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý vẫn phải chịu trách nhiệm về những công việc trợ giúp pháp lý đã thực hiện.

Điều 7. Cơ chế giải quyết tranh chấp, trách nhiệm vi phạm hợp đồng và các thỏa thuận khác

1. Các nội dung khác không thỏa thuận trong hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu phát sinh mâu thuẫn hay có tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng, giải quyết trên nguyên tắc bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau. Nếu không thống nhất được cách thức giải quyết thì các bên có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng được lập thành hai bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một bản.

**BÊN B
LUẬT SƯ**

**BÊN A
GIÁM ĐỐC**

Huỳnh Tấn Đạt

Số: 10/QĐ-TGPL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành cách thức, tiêu chí, thang bảng điểm đánh giá hồ sơ lựa chọn
luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý Năm 2024

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ NHÀ NƯỚC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Trợ giúp pháp lý ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý; Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý;

Căn cứ Quyết định số 4726/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Tổ đánh giá hồ sơ lựa chọn Luật sư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này cách thức, tiêu chí, thang bảng điểm đánh giá hồ sơ lựa chọn Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh Năm 2024.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ đánh giá hồ sơ lựa chọn Luật sư của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh Năm 2024 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp (để b/c);
- Phòng Tổ chức Sở Tư pháp (để biết);
- Phòng Bộ trợ tư pháp (để biết);
- Đoàn Luật sư TP.HCM (để phối hợp);
- Lưu VT, HCTH (Thảo).



CÁCH THỨC, TIÊU CHÍ, THANG BẢNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

HỒ SƠ LỰA CHỌN LUẬT SƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 19/QĐ-TGPL ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Cách thức đánh giá hồ sơ lựa chọn Luật sư:

Việc đánh giá được tiến hành qua 02 bước, bao gồm:

Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ:

Tổ đánh giá hồ sơ lựa chọn Luật sư (gọi tắt là Tổ đánh giá Luật sư) sử dụng tiêu chí đạt hoặc không đạt để đánh giá hồ sơ lựa chọn Luật sư.

1.1 Hồ sơ đạt yêu cầu:

- Hồ sơ có đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 08/2017/TT-BTP; khoản 3 Điều 1 Thông tư số 03/2021/TT-BTP.

- Nộp đúng thời hạn theo Thông báo lựa chọn Luật sư của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể:

+ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp thì ngày nộp là ngày ghi trên giấy biên nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính thì ngày nộp được căn cứ theo ngày đến trên dấu của dịch vụ bưu chính.

+ Trường hợp hồ sơ được gửi qua thư điện tử thì thời điểm nộp hồ sơ là thời điểm hồ sơ đã gửi đến thư điện tử của Trung tâm. Nếu thời điểm hồ sơ gửi đến thư điện tử của Trung tâm ngoài giờ hành chính thì thời điểm nộp được tính là thời điểm bắt đầu từ ngày, giờ hành chính kế tiếp.

1.2 Hồ sơ không đạt yêu cầu:

- Hồ sơ không đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 08/2017/TT-BTP; khoản 3 Điều 1 Thông tư số 03/2021/TT-BTP;

- Nộp không đúng thời hạn theo Thông báo lựa chọn Luật sư.

Lưu ý: Chỉ những hồ sơ được đánh giá là đạt yêu cầu ở Bước 1 mới tiếp tục được đánh giá ở Bước 2.

Bước 2: Đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu trợ giúp pháp lý:

- Tổ đánh giá Luật sư sử dụng phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100 để đánh giá, trong đó quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí.

- Điểm cuối cùng là điểm trung bình cộng của các thành viên Tổ đánh giá Luật sư và được xếp thứ tự từ cao xuống thấp. Trường hợp có từ 02 Luật sư trở lên có cùng số điểm thì Tổ trưởng Tổ đánh giá Luật sư quyết định.



- Luật sư được lựa chọn phải có số điểm đánh giá cuối cùng từ 50 điểm trở lên và được lựa chọn theo thứ tự từ cao xuống thấp đến đủ số lượng Luật sư dự kiến lựa chọn theo thông báo.

(*) Trung tâm sẽ thông báo kết quả lựa chọn đến các Luật sư đã nộp hồ sơ. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, luật sư được lựa chọn có trách nhiệm ký hợp đồng với Trung tâm, trừ Trường hợp có lý do chính đáng thì có thể kéo dài nhưng không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Quá thời hạn trên mà luật sư được lựa chọn không ký hợp đồng thì Trung tâm thông báo để ký hợp đồng với luật sư có số điểm cao kế tiếp (nếu còn). Trường hợp luật sư nộp hồ sơ qua thư điện tử thì khi đến ký hợp đồng với Trung tâm, luật sư phải nộp đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 03/2021/TT-BTP.

2. Tiêu chí, thang bảng điểm đánh giá hồ sơ lựa chọn Luật sư:

(Thang điểm 100)

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa
I.	Tiêu chuẩn chung	0	30
	Tiêu chí 1: Luật sư có phẩm chất đạo đức tốt	0	10
	Tiêu chí 2: Luật sư có sức khỏe tốt để thực hiện trợ giúp pháp lý	0	10
	Tiêu chí 3: Luật sư có khả năng sử dụng thành công nghệ thông tin cơ bản về office, mail, hệ thống tra cứu truy cập dữ liệu thông tin về Trợ giúp pháp lý (chứng chỉ Tin học).	0	10
II.	Tiêu chuẩn về kinh nghiệm hành nghề Luật sư, kinh nghiệm về thời gian Luật sư thực hiện nghĩa vụ trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật Luật Sư; Kinh nghiệm về hình thức tham gia hành nghề Luật sư (nội dung của các tiêu chí được dựa trên đánh giá và xác nhận của tổ chức hành nghề Luật sư nơi Luật sư đang đăng ký hành nghề, nơi Luật sư làm việc theo hợp đồng lao động).	0	70

II.1.	Tiêu chuẩn về kinh nghiệm hành nghề Luật sư, kinh nghiệm về thời gian Luật sư thực hiện nghĩa vụ trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật Luật sư;	0	40
	Tiêu chí 1: Luật sư có kinh nghiệm tham gia hành nghề Luật sư từ đủ 05 năm trở lên hoặc có kinh nghiệm thực hiện nghĩa vụ trợ giúp pháp lý tối thiểu 40 giờ kể từ khi hành nghề Luật sư hoặc Luật sư đã từng là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên...	30	40
	Tiêu chí 2: Luật sư có kinh nghiệm tham gia hành nghề Luật sư từ đủ 03 năm đến dưới 05 năm hoặc có kinh nghiệm thực hiện nghĩa vụ trợ giúp pháp lý tối thiểu từ 24 giờ đến dưới 40 giờ kể từ khi hành nghề Luật sư.	20	30
	Tiêu chí 3: Luật sư có kinh nghiệm tham gia hành nghề Luật sư từ đủ 01 năm đến dưới 03 năm hoặc có kinh nghiệm thực hiện nghĩa vụ trợ giúp pháp lý tối thiểu từ 08 giờ đến dưới 24 giờ kể từ khi hành nghề Luật sư.	10	20
	Tiêu chí 4: Luật sư có kinh nghiệm tham gia hành nghề Luật sư dưới 01 năm hoặc có kinh nghiệm thực hiện nghĩa vụ trợ giúp pháp lý đến dưới 08 giờ kể từ khi hành nghề Luật sư.	0	10
II.2.	Tiêu chuẩn kinh nghiệm về hình thức tham gia hành nghề Luật sư (theo quy định của Luật Luật sư)	0	30
	Tiêu chí 1: Luật sư có kinh nghiệm tham gia cả 03 hình thức dịch vụ pháp lý theo quy định của Luật Luật sư: Tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng và tư vấn pháp luật.	20	30
	Tiêu chí 2: Luật sư có kinh nghiệm tham gia 02 trong 03 hình thức dịch vụ pháp lý theo quy định của Luật Luật sư: Tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng, tư vấn pháp luật.	10	20
	Tiêu chí 3: Luật sư chỉ có kinh nghiệm tham gia 01 hình thức dịch vụ pháp lý theo quy định của Luật Luật sư: Tham gia tố tụng hoặc đại diện ngoài tố tụng hoặc tư vấn pháp luật.	0	10

